

Án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2019

V/v “Tranh chấp ly hôn và con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần T Hường

2. Ông Phạm Đức Long

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung– Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 889/2018/TLST - HNGĐ ngày 12/12/2018 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXX ngày 01/3/2019 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị Ng, sinh năm 1987 (*Có mặt tại phiên tòa*)

Địa chỉ: Xóm H, xã C, Tp T, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Ngô Thanh T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm H, xã C, Tp T, tỉnh Thái Nguyên

(*Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Thanh T về ở với nhau từ năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, sau khi kết hôn về chung sống với gia đình nhà chồng ở xóm H, xã C, TP.T, vì các giấy tờ cá nhân của anh T tên, tuổi không khớp nhau nên Ủy ban nhân dân xã C, TP.T có yêu cầu về làm lại giấy tờ. Đến năm 2016 chị và anh T mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc. Khoảng năm 2017, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T không chăm lo đến cuộc sống chung của hai vợ chồng, thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn kinh tế, không cùng chia sẻ với chị trong việc chăm sóc con. Đồng thời, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng

thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, anh T thường hay chửi mắng, xúc phạm và thậm chí đe dọa, đánh đập chị. Chị đã cố gắng tạo cơ hội cho anh T sửa chữa nhưng anh không có thay đổi gì. Cuộc sống gia đình luôn luôn căng thẳng, không có sự cảm thông chia sẻ, không có sự tôn trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, mâu thuẫn giữa chị và anh T ngày càng trầm trọng. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Ngô Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Phương A, sinh ngày 06/5/2014, hiện con chung đang do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Ngô Phương A cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ng tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn anh Ngô Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại Biên bản làm việc của Tòa án, đại diện xóm Hội Hiếu, Công an xã C, TP.T, tỉnh Thái Nguyên cho biết: Anh T có đăng ký hộ khẩu tại địa phương, không cất khẩu, không chuyển khẩu đi đâu và thỉnh thoảng đi làm ăn xa nhưng vẫn có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành quy định tại điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nông Thị Ng, cho chị Ng được ly hôn anh Ngô Thanh T. Về con chung: Giao con chung cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T vì chị Ng không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu. Án phí: Chị Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn cư trú tại xóm Hội Hiếu, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Ngô Thanh T nhưng không tổng đạt được do anh T vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt. Tòa án cũng đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa lần 1, lần 2 cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, anh T vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Ngô Thanh T.

[2.] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nông Thị Ng và anh Ngô Thanh T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, nguyên đơn chị Ng khai, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do anh T không chịu làm ăn, hay chửi bới, xúc phạm vợ và không quan tâm, chăm sóc con. Nay, chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về phía bị đơn anh Ngô Thanh T không có lời khai nhưng quá trình giải quyết vụ án, địa phương xác nhận anh T vẫn có mặt tại địa phương. Chị Ng có đơn xin ly hôn anh T, quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh T để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh T không đến Tòa để tham gia hòa giải và đều vắng mặt không lý do. Điều đó chứng tỏ anh T không quan tâm và cũng không có ý kiến thể hiện mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân của vợ chồng. Do vậy, có căn cứ xác định, mâu thuẫn giữa chị Ng và anh T đã trầm trọng, vợ chồng không còn sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc nhau nữa. Tại phiên tòa, chị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, chị xác định cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nông Thị Ng, cho chị Ng được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng chị Ng, anh T có 01 con chung là Ngô Phương A, sinh ngày 06/5/2014. Khi ly hôn chị Ng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Ngô Phương A cho đến khi con trưởng

thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay con chung của chị Ng và anh T đang ở với mẹ là chị Ng. Quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt, không có lời khai thể hiện quan điểm về việc nuôi con và cũng không có mặt tại phiên tòa nên xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị Ng là có cơ sở chấp nhận, cần thiết giao con chung là Ngô Phương A cho chị Ng nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con khi bố mẹ ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T vì chị Ng không yêu cầu. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, chị Ng và anh T có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi thấy cần thiết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không lấy được lời khai của anh T về việc vợ chồng có tài sản chung, nợ chung hay không và quan điểm của anh T đối với phần tài sản chung, nợ chung (nếu có) nên Tòa án không xem xét giải quyết tài sản chung, nợ chung trong vụ án ly hôn này. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện bằng vụ kiện khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

Về án phí: Chị Ng phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nông Thị Ng

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Ng được ly hôn anh Ngô Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung là Ngô Phương Anh, sinh ngày 06/5/2014 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Ngô Thanh T do chị Ng không yêu cầu. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nông Thị Ng phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0007082 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nông Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn anh Ngô Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND xã Cao Ngạn, TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu, VT, BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh Hải